Function code	Name	Description	Value range	Default value	Change	Chú thích
P97.14	Phase loss protection enable	Ones: 0: Input phase loss protection disabled 1: Input phase loss protection enabled Tens: 0: Output phase loss protection disabled during running 1: Output phase loss protection enabled during running Hundreds: 0: Short-to-ground detection upon power-on disabled 1: Short-to-ground detection upon power-on enabled Thousands: 0: Output phase loss protection before running disabled 1: Output phase loss protection before running enabled	0 to 0x1111	0	**1110**	Bật bảo vệ mất pha
P16.04	LED default parameter display at stop	Used to set the default parameter number displayed on the zero level of the keypad menu at stop after power-on. 0: Reference frequency 1: Bus voltage 2: DI input status 1 3: DI input status 2 4: DO output status 5: AI1 input voltage 6: AI2 input voltage 7: AO1 output percentage 8: HDI reference frequency 9: HDO1 output 10: HDO2 output 11: Length 12: Simple PLC current step 13: Line speed 14: PDI reference 15: Torque reference Note: When you press the shift key, the function code only displays the switched parameter number, only RAM modified and not saved to EEPROM.	0 to 15	0	0	Hiển thị thông tin Hz lên Keypad
P11.17	Keypad frequency setting selection	Ones: Whether UP/DOWN terminal frequency adjustment is valid 0: Invalid 1: Valid Tens: Whether to retain the keypad UP/DOWN set frequency upon a power failure 0: Does not retain 1: Retain Hundreds: Whether to retain the keypad UP/DOWN set frequency upon a stop 0: Does not retain 1: Retain	0 to 0x111	0	**111**	Giữ nguyên thông số tần số khi mất điện
P03.00	Motor type selection	0: Asynchronous motor 1: Synchronous motor	0 to 1	0	1	PHỤ THUỘC VÀO THÔNG SỐ ĐỘNG CƠ
P03.01	Asynchronous motor rated power	0.1 to 3000.0 kW	0.1 to 3000.0 kW	Depending on models	×	
P03.02	Asynchronous motor rated voltage	0 to 1200 V	0 to 1200 V	Depending on models	×	
P03.03	Asynchronous motor rated current	0.8 to 6000.0 A	0.8 to 6000.0 A	Depending on models	×	
P03.04	Asynchronous motor rated frequency	0.01 Hz to P02.10	0.01 Hz to P02.10	50.00 Hz	×	
P03.05	Asynchronous motor rated speed	1 to 36000 rpm	1 to 36000 rpm	Depending on models	×	
P03.27	Motor auto-tuning	0: No operation 1: Part parameter auto-tuning in the static status 2: Full parameter auto-tuning in the rotating status 3: Full parameter auto-tuning in the static status	0 to 3	0	2 or 3	2 (dò động); 3(dò tĩnh) Bấm RUN để cho Driver tự dò
P02.00	Control mode selection	0: Vector control 1 without PG 1: Vector control 2 without PG (only for asynchronous motors) 2: V/F control (only for asynchronous motors) 3: Closed-loop vector control	0 to 3	2	2	Chạy động cơ chế độ V/F
P02.02	Operation command channel selection	0: Keypad control 1: Terminal control 2: Communication control	0 to 2	0	1	Chạy bằng terminal ngoài
P02.05	Main frequency source selection	0: Digital setting P02.09 1: AI1 2: AI2 3: High-speed pulse HDI reference 4: Simple PLC programming reference 5: Multi-speed running reference 6: PID control 7: Modbus 8: Bus card	0 to 8	0	4	Nguồn điều chỉnh tốc độ bằng chế độ Simple PLC
P02.08	Frequency reference source calculation	0: Main frequency 1: Auxiliary frequency 2: Main + Auxiliary 3: Main - Auxiliary 4: Max (main reference, auxiliary reference) 5: Min (main reference, auxiliary reference)	0 to 5	0	0	Chọn nguồn tính toán tần số tham chiếu
P02.10	Maximum output frequency	P02.11 to 599.00 Hz Note: The maximum frequency is at least 50.00 Hz	P02.11 to 599.00 Hz	50.00 Hz	×	
P02.11	Upper limit frequency	P02.12 to P02.10	P02.12 to P02.10	50.00 Hz	×	
P02.12	Lower limit frequency	0.00 Hz to P02.11	0.00 Hz to P02.11	0.00 Hz	×	
P02.13	Acceleration time 1	0.0 to 6000.0 s Note: after being restored to defaultvalues, the system will do auto matching based on the actual model (applicable for acceleration/deceleration time 1, 2, 3 and 4) 5.5 kW and below: 10 s 5.5 to 30 kW (included): 20 s Above 30 kW: 40 s	0.0 to 6000.0 s	Depending on models	○	
P02.14	Deceleration time 1	0.0 to 6000.0 s	0.0 to 6000.0 s	Depending on models	○	
P09.03	DI1 function selection	0: No function 1: Forward RUN 2: Reverse RUN	0 to 72	1	1	Cấp lệnh chạy từ chân DI1

P13.00	PLC running mode	**LED ones: PLC running mode** 0: Stop after running for one cycle 1: Keep final values after running for one cycle 2: Repeat after running for one cycle **LED tens: Startup mode** 0: Run from the first stage 1: Continue to run from the retained stage and frequency upon a stop or fault **LED hundreds: Power failure retention** 0: Non-retentive 1: Retain the stage and frequency upon power failure **LED thousands: Stage time unit** 0: s 1: min	0 to 0x1112	0x0000	112	Cài chế độ chạy theo chu kì của biến tần; cài đơn vị thời gian trong từng bước
P13.01	Multi-speed reference 0	-100.0 to 100.0%	0.0	○	5	Phần trăm của cấp tốc độ 1 tương ứng với tần số max (P02.10)
P13.02	Multi-speed reference 1	-100.0 to 100.0%	0.0	○	0	Phần trăm của cấp tốc độ 1 tương ứng với tần số max (P02.10)
P13.03	Multi-speed reference 2	-100.0 to 100.0%	0.1	○	25	Phần trăm của cấp tốc độ 2 tương ứng với tần số max (P02.10)
P13.04	Multi-speed reference 3	-100.0 to 100.0%	0.2	○	50	Phần trăm của cấp tốc độ 3 tương ứng với tần số max (P02.10)
P13.05	Multi-speed reference 4	-100.0 to 100.0%	0.3	○	100	Phần trăm của cấp tốc độ 4 tương ứng với tần số max (P02.10)
P13.17	Multi-speed reference 0 running time	The running time range from stage 0 to stage 15 is 0.0 to 6553.5 s (min), and the time unit is determined by P13.00.	0.0 to 6553.5 s (min)	0	20	Thời gian chạy của cấp tốc độ 0
P13.18	Multi-speed reference 1 running time	The running time range from stage 0 to stage 15 is 0.0 to 6553.5 s (min), and the time unit is determined by P13.00.	0.0 to 6553.5 s (min)	0	20	Thời gian chạy của cấp tốc độ 1
P13.19	Multi-speed reference 2 running time	The running time range from stage 0 to stage 15 is 0.0 to 6553.5 s (min), and the time unit is determined by P13.00.	0.0 to 6553.5 s (min)	0	20	Thời gian chạy của cấp tốc độ 2
P13.20	Multi-speed reference 3 running time	The running time range from stage 0 to stage 15 is 0.0 to 6553.5 s (min), and the time unit is determined by P13.00.	0.0 to 6553.5 s (min)	0	20	Thời gian chạy của cấp tốc độ 3
P13.21	Multi-speed reference 4 running time	The running time range from stage 0 to stage 15 is 0.0 to 6553.5 s (min), and the time unit is determined by P13.00.	0.0 to 6553.5 s (min)	0	20	Thời gian chạy của cấp tốc độ 4